

Bản án số: 59/2020/DS-PT
Ngày 26 tháng 5 năm 2020
“Tranh chấp lời đi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Trương Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 164/2019/TLPT-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp lời đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DSST ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2020/QĐ-PT ngày 15/01/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ-PT ngày 13/12/2020, thông báo số 47/2020/TB-TĐ ngày 04/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 8, thôn 4, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Văn TH, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 9, thôn 4, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền ngày 24/10/2019 có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Biên P, luật sư Văn phòng luật sư G thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; địa chỉ: A 21 B, khu A, Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Cù Thị Kim B, sinh năm 1957;

2. Bà Cù Thị Kim U, sinh năm 1960;

3. Ông Cù C, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: địa chỉ: Tổ 8, thôn 4, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đình N là luật sư Công ty luật C thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; địa chỉ: 563/19 N, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: địa chỉ: Tổ 8, thôn 4, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Đỗ Văn TH, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 9, thôn 4, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

3. Bà Phạm Thị S, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 9, thôn 4, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt).

4. Ủy ban nhân dân xã L, thành phố V; địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Nguyễn Quang Y (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, Bà Cù Thị Kim U.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Nguồn gốc diện tích 66.8m² đất thuộc thửa 413, tờ 72 bản đồ số 25 tọa lạc tại thôn 4 xã L, thành phố V đang tranh chấp là của ông Nguyễn Văn X khai phá, sử dụng, sau đó cho con là ông Phạm Văn X. Ông X sử dụng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã đăng ký kê khai tại xã L có diện tích, số tờ sổ thửa nhưng không nhớ. Năm 2003 ông X tặng cho con là Ông. Ngày 24/11/2003 thì Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W750716 với diện tích 7.366m².

Lối đi được hình thành từ năm 2009 nằm trong diện tích đất nêu trên là lối đi do ông Đỗ Văn TH là người có đất giáp ranh với đất của Ông mở để kinh doanh và cho các hộ phía trong đi chung. Đến năm 2017, do có nhu cầu sử dụng phần đất lối đi này nên gia đình Ông yêu cầu lấy lại và tự nguyện mở một lối đi mới cũng trên phần đất của gia đình để các hộ dân đi nhưng họ không đồng ý và đòi đi trên lối đi cũ.

Nay, Ông yêu cầu các hộ ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U di dời đường ông nước, đường điện ra khỏi diện tích đất là lối đi cũ và đồng ý cho các hộ dân đi trên lối đi mới mà không yêu cầu đóng góp gì.

Bị đơn, các ông bà Cù C, Cù Thị Kim B, Cù Thị Kim U trình bày:

Lối đi cũ đang tranh chấp không nằm trong diện tích đất của các Ông Bà mà được hình thành từ trước năm 1975. Lối đi này là đất của nhà nước không phải đất của ông T. Năm 2009, trước khi ông TH mở quán kinh doanh có nói với các hộ dân có đất phía trong làm đơn xin Ủy Ban nhân dân xã L được bắc cầu qua suối và ông TH là người làm cầu để tiện việc đi lại. Khi đó các hộ dân phía trong góp tiền đổ đá lối đi và nhập vào lối đi chung này. Sau khi bắc cầu xong thì ông TH mở quán.

Năm 2017, ông T, ông TH yêu cầu các Ông Bà phải trả lại lối đi cũ và đi lối khác đồng thời cắt điện, nước. Lối đi mới ông TH làm không có sự đồng ý của Ủy Bn xã và Ủy Ban xã yêu cầu đình chỉ nhưng ông TH vẫn làm. Nay, các Ông Bà không đồng ý sử dụng lối đi mới và yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn TH trình bày:

Ông TH có đất giáp với đất của ông T. Vào năm 2009, ông TH mở quán kinh doanh nên ông TH đã xin phép Ủy ban nhân dân xã L mở 01 lối đi vào đất của mình để thuận tiện cho việc kinh doanh, đồng thời để cho các hộ dân có đất phía trong đi chung. Tuy nhiên, đến năm 2017 ông TH nhận thấy lối đi này nhỏ nên khi các xe qua lại dừng đỗ gặp khó khăn, va chạm nên ông TH, ông T yêu cầu được lấy lại lối đi chung này để mở rộng làm bãi đậu xe cho quán và mở ra 01 lối đi khác cho bà con phía trong đi lại.

Tuy nhiên, các hộ dân phía trong phản đối, không đồng ý đi lối đi mới và yêu cầu được sử dụng lối đi cũ. Gia đình ông T, ông TH đã tự nguyện mở lối đi mới cho các hộ đi lại và không yêu cầu đóng góp gì. Ông TH yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc các hộ ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U phải di dời đường điện ống nước ra khỏi phần diện tích 66.8m² (lối đi cũ) thuộc thửa đất số 413, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thôn 4, xã L, TP.V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và trả lại đất cho ông T.

Ngoài ra, ông TH không có ý kiến gì thêm.

2. Bà Võ Thị T, bà Phạm Thị S trình bày:

Các Bà đồng ý với phần trình bày của ông T và ông TH, không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

3. Tại văn bản số 503/UBND-ĐC ngày 14/10/2019, Ủy Bn nhân dân xã L trình bày:

Theo hồ sơ địa chính xã L năm 1995 (được Sở địa chính xác nhận ngày 06/8/1998) thửa đất số 414+415, tờ bản đồ số 25 là đất do nhà nước quản lý, đang được sử dụng một phần làm lối đi chung cho tất cả các hộ gia đình, cá nhân sinh sống trong khu vực.

Đối với phần đất do nhà nước quản lý, hiện nay chưa có kế hoạch sử dụng đất và dự án đầu U. Do đó, Ủy Ban nhân dân xã L đồng ý tiếp tục để các hộ sử dụng làm lối đi chung.

Những người làm chứng:

1. Các ông Phan Trung D, ông Nguyễn Văn I trình bày:

Thời điểm năm 2009, ông Phan Trung D, ông Nguyễn Văn I được anh Nguyễn Văn H (địa chỉ Thôn 5, xã L) nhờ đến phụ làm con đường đi cho các hộ dân ở Thôn 4, đoạn từ bên kia cây cầu, phần giáp đất nhà ông TH đi vòng vào trong qua nhà các hộ dân.

2. Các ông bà Phạm Văn A, Cù R, Nguyễn Văn L, Kiều Thị Y, Cù Thị Kim M, Cù Thị Kim T, Nguyễn Văn Q, Kiều Văn N, Phạm Văn Z trình bày:

Nguồn gốc lối đi tranh chấp là đất nhà nước. Từ trước năm 1975, đã có 01 lối đi nhỏ đường đất từ phía ngoài đường B vào nhà các hộ dân bên trong. Đến năm 2009, ông Đỗ Văn TH nói các hộ dân bên trong xin Ủy Ban nhân dân xã L cho phép làm con đường đi bằng qua suối. Sau khi xin phép xong, ông TH làm con đường đi từ đường B vào đến đoạn cầu qua suối. Các hộ dân bên trong cùng góp công, góp sức, góp tiền để đổ đá làm con đường từ đoạn cầu qua suối vào trong đi qua nhà các hộ dân bên trong.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DSST ngày 25 tháng 10 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã căn cứ Điều 245, Điều 252, Điều 254 và Điều 255 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T đối với ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi*”.

- Buộc ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U trả lại đất lối đi cũ cho ông Phạm Văn T thuộc lô D có tọa độ (19,20,21,22,28,29,30,8,19); có diện tích 144,7m²; thuộc thửa đất số 31(cũ 413); tờ bản đồ số 56(cũ 25); tọa lạc tại Thôn 4, xã L, thành phố V.

- Ghi nhận việc các ông, bà Phạm Văn T, Võ Thị T, Phạm Thị S, Đỗ Văn TH đồng ý cho ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U được sử dụng lối đi mới do ông Đỗ Văn TH và ông Phạm Văn T tự mở thuộc lô A có tọa độ (4,1,2,3,4); có diện tích 17,2m²; thuộc thửa đất số 26, 71(cũ 414, 415), tờ bản đồ số 56(cũ 25) và lô B có tọa độ (1,12,5,6,7,8,9,10,11,2,1); có diện tích 78,7m²; thuộc thửa đất số 25(cũ 413), tờ bản đồ số 56(cũ 25); tọa lạc tại Thôn 4, xã L, thành phố V.

(Vị trí và kích thước theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 30/8/2019).

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T về việc buộc ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U tháo dỡ, di dời đường ống nước và đường điện được lắp đặt trên lối đi cũ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí đo vẽ, thẩm định, định giá và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung kháng cáo:

Ông C, bà B và bà U kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không trái pháp luật và đạo đức xã hội cần được ghi nhận.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng năm 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sửa Bản án dân sự sơ thẩm 68/2019/DSST ngày 25/10/2019 của TAND thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đơn kháng cáo của ông C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Căn cứ sơ đồ vị trí ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu:

- Ông C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U đồng ý trả lại **quyền sử dụng đất** lối đi cũ cho ông Phạm Văn T thuộc lô D có tọa độ (19,20,21,22,28,29,30,8,19); có diện tích 144,7m²; thuộc thửa đất số 31(cũ 413); tờ bản đồ số 56 (cũ 25); tọa lạc tại Thôn 4, xã L, thành phố V.

- Ông Phạm Văn T, bà Võ Thị T, ông Đỗ Văn TH, bà Phạm Thị S đồng ý mở lối đi cho bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U, ông C tại các lô A+ A1+ B và đồng ý mở rộng lối đi tại điểm 54 cụ thể như sau: Trên cạnh từ điểm 54 đến điểm 27 cắt 1 đoạn 1m ký hiệu A,(độ dài cạnh 54 đến A:1m); trên cạnh từ điểm 54 đến điểm 24 cắt 1 đoạn 1m ký hiệu B (độ dài cạnh 54 đến B: 1m); nối cạnh A đến điểm B. Lối đi có tọa độ được như sau: 75,76,30,28,27,A, B,55, 56,57,58,59,75.

- Bị đơn bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U, ông C có nghĩa vụ chặt bỏ, tháo dỡ các cây trồng (nếu có), san lấp mặt bằng trên diện tích lối đi nêu trên.

- Chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm: 13.734.000 đồng bị đơn bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U, ông C tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

Về chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm: Ông Cù C, bà Cù Thị Kim U, bà Cù Thị Kim B tự nguyện chịu là 13.734.000 đồng và đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cù C, bà Cù Thị Kim U mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Bà Cù Thị Kim B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tuy nhiên bà B có đơn xin miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Cù Thị Kim B.

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo gồm bà Cù Thị Kim U, ông Cù C, bà Cù Thị Kim B mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Bà Cù Thị Kim B có đơn xin miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Cù Thị Kim B.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 68/2019/DSST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Cù C, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U đồng ý trả lại đất lối đi cũ cho ông Phạm Văn T thuộc lô D có tọa độ (19,20,21,22,28,29,30,8,19); có diện tích 144,7m²; thuộc thửa đất số 31(cũ 413); tờ bản đồ số 56 (cũ 25); tọa lạc tại Thôn 4, xã L, thành phố V.

Ông Phạm Văn T, bà Võ Thị T, ông Đỗ Văn TH, bà Phạm Thị S đồng ý mở lối đi cho bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U, ông Cù C tại các lô A+ A1+ B và đồng ý mở rộng lối đi tại điểm 54 cụ thể như sau: Trên cạnh từ điểm 54 đến điểm 27 cắt 1 đoạn 1m ký hiệu A,(độ dài cạnh 54 đến A:1m); trên cạnh từ điểm 54 đến điểm 24 cắt 1 đoạn 1m ký hiệu B (độ dài cạnh 54 đến B: 1m); nối cạnh A đến điểm B. Lối đi có tọa độ được như sau: 75,76,30,28,27,A, B,55, 56,57,58,59,75.

Bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U, ông Cù C có nghĩa vụ chặt bỏ, tháo dỡ các cây trồng trên đất, san lấp mặt bằng trên diện tích lối đi nêu trên.

(Vị trí và kích thước theo Sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V lập ngày 18/5/2020).

2. Chi phí tố tụng:

- Chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp phúc thẩm: 13.734.000 (*mười B triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn*) đồng, bà Cù Thị Kim B, bà Cù Thị Kim U, ông Cù C tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

- Chi phí đo vẽ, định giá, thẩm định tại Tòa án cấp sơ thẩm: Các ông, bà Cù C, Cù Thị Kim B, Cù Thị Kim U phải hoàn trả cho ông Phạm Văn T 4.987.000 (*bốn triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn*) đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Cù C, bà Cù Thị Kim U phải nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

+ Ông Phạm Văn T không phải nộp, hoàn trả cho ông T 2.750.000 (*hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0010313 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Cù C, bà Cù Thị Kim U phải nộp mỗi người 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng án phí nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tiền theo biên tiền số 0002909, 0002910 ngày 12/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà U và ông C đã nộp đủ.

+ Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Cù Thị Kim B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BRVT;
- TAND TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA TP Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Phương Bắc

